

LUẬN BỒ-TÁT BẢN SINH MAN

QUYỂN 14

Hóa độ khắp chốn mong đạt chân thật. Điều phục thế gian, thí tánh viên mãn. Nhân Thánh tịch tĩnh gánh vác chân thực. Quả giác tận cùng muôn thuở đóc tu. Trí tuệ mong đạt khắp loài khắp chốn. Xa lìa gốc nhiễm, tịch tĩnh hữu vô. Bốn uẩn thuộc danh (thọ, tưởng, hành, thức), danh chất khó đạt. Dòng thác thế gian biến chuyển không ngừng. Tự tánh thắng nghĩa ngọn nguồn vô biên. Bản trí đạt được, mắt không thể thấy. Tịch tĩnh, vô tác trùm khắp mọi nơi. Thành tựu đúng phần phát sinh bình đẳng. Tự tánh tri kiến, thắng nghĩa tăng trưởng. Hành, giải gồm đủ, lực dụng phát khởi. Nơi chốn thế gian, cõi Sắc (là) trên hết. Cõi Đệ tứ thiên, tam tai (mới) lìa hẳn. Hạnh của bậc Thánh tịch trụ hòa hợp. Thiện hạnh đóc tu, đạt được thanh tịnh. Quả báo trọn nên (từ) nhân thắng công đức. Cõi học hành động, nẻo tu đức hạnh. Đóc tu thượng diệu, biến khắp thế gian. Hóa độ đạt được thiện lợi viên mãn. Góc rẽ biến chuyển, chân thật tăng trưởng. Chế ngự điên đảo, hạnh thí phát sinh. Hành, giải hướng cầu, nghiệp gốc thành tựu. Dòng thác tâm pháp, gốc do vọng động. Chánh kiến phát sinh, tịch tĩnh viên mãn. Thuận theo giáo pháp, tu tập thanh tịnh. Góc tánh (của) thân tâm, năm uẩn là thể. Thuận theo Thập thiện, tu tập tối thượng. Tướng nhân đúng phần, tỏ rõ phiền não. Hình tướng cấu nhiễm (là) gốc mọi nghiệp dữ. Tu đạt giải thoát, nơi chốn tịch tĩnh. Mười hai nẻo sinh thu gọn (vào) trăm loại. Như mặt trời chiếu, tươi sáng đáng yêu. (Cũng) Như cõi nước kia, quốc vương thánh thiện. Giáo hóa bình đẳng, nghiệp dữ dứt hết. Tạo nghiệp nơi ấy (đạt) thiện tịnh, xa lìa (nghiệp dữ), là cõi quốc vương chân chánh, dứt tà. Trong ngoài sửa trị, Thánh trí như thần. Tâm không vọng tưởng, tánh giác tăng trưởng. Hành, giải rộng khắp, thuyết giảng tối thượng (mọi) vấn nạn thế gian. Hình tướng cõi thế, điên đảo trôi buộc. Năng lực tự tại, nhân không bày hiện. Lìa bỏ nhân sợ, mong đạt tận cùng. Diên đảo, si độn (trở thành) nơi chốn tu tập. Kiếp họa “phong tai” (dữ dội đến nổi) cõi đại thiên (cũng bị) hoại. Là cõi Bồ-tát vi diệu tăng thượng. Nơi chốn (được) chế ngự, tịch tĩnh viên mãn. Chi phần tà kiến diệt trừ tất cả. Ngôn ngữ phát sinh luận bàn (về lẽ) tối thượng. Lực dụng như vậy gốc ở thanh tịnh. Cõi ý hứng khởi, tự tại gắng bày. Hình tướng phước đức, thân tâm hòa hợp. Hạnh thí thâm diệu hướng tiến cùng tận. Cõi rẽ tịch tĩnh đạt được thắng nghĩa. (Quả vị) Chánh giác bất thoái, phát sinh, tăng thượng. Tu tập thù thắng dứt trừ bệnh hoạn. Dòng thác nhiễm ác gốc từ hý luận. Lực dụng hiện bày, biến chuyển khắp chốn. Tự tánh an nhiên, tu hạnh tịch tĩnh. Vô ngã sâu xa dứt mọi hý luận. Góc tánh “vô úy”, thanh sắc không nhiễm. Hướng cầu phiền não, nẻo thiện không hợp. Góc nhận thức nhiễm, tạo nhân phiền não. Hình tướng tự tại, mong diệt điên đảo. Nghiệp dụng tự tánh, gốc khởi nơi tâm. Cõi rẽ nhiễm chướng phát sinh ngàn loại. Hý luận hiện bày (nên) xa lìa, dứt bỏ. Như mặt trăng tròn, mây che đâu sáng? Ngọn nguồn Thánh trí sạch nhiễm, thường hằng. Tự tại dứt buộc, phép tắc tăng thêm. Tinh tấn càng tăng, phiền não càng giảm. Thắng nghĩa bất thoái, dứt sạch tham dục. Tự tại hòa hợp, thanh tịnh tận cùng. Tu hạnh tịch tĩnh, nhân ấy chân thật. Phiền não bao đời, Như Lai hằng dứt. Ngã kiến, biên chấp, tham mạn dấy theo. Thân tâm hợp nhất, đóc sức tu tập. Tu thí giảm trừ nhân của bệnh tham. Lực dụng tự tánh (làm) chuyển dòng nghiệp dữ. (Như) hý luận dấy tăng (trở) thành chốn đóc tu. Sắc tướng hữu tình không thể lìa bỏ. Phật pháp thanh tịnh, năng lìa chướng, nhiễm. Như lửa cháy rực,

thể mạnh khó dừng. Tịch tĩnh gốc tu, sợ hãi không buộc. Hóa độ tận cùng, tu hạnh giải thoát. Tịch tĩnh, xa lìa, dứt mọi hình tướng. Hành, giải gồm đủ, dạy bảo mẫu mực. Mong dứt nhiễm, tranh. Lực dụng thù thắng, hành thí thấu đạt. Trừ gốc rễ mạn. Tự tánh tạo tác, thấy đều phát sinh. Lìa bỏ phiền não, ưu khổ, sợ hãi.

Thế nào là hạnh thí dóc tu khắp chón?

Chế ngự mọi chón, chân thật tận cùng. Mong đạt thắng nghĩa vô ngại như (hư) không. Trí tuệ sáng tỏ, lực dụng viên mãn. Tạo nhân dứt phiền, cứu cánh thanh tịnh. Danh sắc rục rờ như Ca-tỳ-la. Tu tập như vậy, tự tại vô cùng. Chúng Thánh hòa hợp (là) thắng nghĩa bình đẳng.

Thế nào là tâm pháp không có hình chất?

Các pháp nhóm, khởi, không hề trừ bỏ. Tướng nhân khổ thọ, cấu nhiễm là gốc. Điên đảo trói buộc ưu khổ không bờ. Hóa độ thuận hợp, tăng trưởng tạo nghiệp (lành). Dòng thác chướng nhiễm dấy khởi ra sao? (Như) ngọn lửa cháy rục sức mạnh khó ngăn. Chân thật vô biên, bình đẳng còn mãi. Trong lặng hiện bày, an định biến khắp. Cội rễ hý luận, thể hư (nhưng) báo thật. Tạo nghiệp tận cùng thể mạnh khó dứt. Si độn dấy tăng, gồm đủ sợ hãi. Điên đảo như vậy dấy khởi tận cùng. An tĩnh, yên định, điên đảo lắng sạch. Sĩ phu thêm tu, lực dụng rạng rỡ. Mọi điên đảo nhiễm, hạnh mật dứt trừ. Tự tánh thù thắng, tiến tu khắp cõi. Tự tánh điều phục, thượng diệu phát sinh. Lực dụng thanh tịnh, phước báo viên mãn.

Thế nào là hướng đạt lìa ác tu thiện?

Hung phát hãm hờ (nhằm đạt) cứu cánh tận cùng. Các loại thắng hạnh (là) dóc tu bổ thí. Cội rễ phát sinh thắng nghĩa tự tánh. Tu hạnh giáo hóa (làm) mẫu mực thể gian. Dứt hành lưu chuyển, tịch tĩnh hướng đạt. Giải thoát dứt buộc, không phải (là) hủy diệt.

Thế nào là dứt sạch hý luận, gốc trí tuệ thêm rõ? Chi phần hữu tình hợp nhất tạo được.

Thế nào là phân chia hình tướng của tâm khó đạt?

Bốn uẩn thuộc danh, danh (vốn) không sắc tướng. Hạnh nhẫn tận cùng, gốc là tĩnh trụ. Trong lặng thanh tịnh, tươi lành, chẳng bọt. Tự tánh thắng nghĩa nguồn ngọn (là) bất sinh. Hiện bày (từ) vô thi, lìa mọi trói buộc. Hình tướng chẳng sinh, lực dụng tùy thuận. Hành khổ não ấy, tấn tu dứt trừ. Xa lìa hủy hoại, nơi chón tịch tĩnh. Hình tướng rục rờ, biến khắp, viên mãn. Nhân khổ không còn, an tĩnh giữ vững. Lực dụng phát huy, hình tướng ít có. An tĩnh thù thắng (là) khắp cõi tĩnh lặng. Mừng vui, hứng khởi, ý hợp dóc tu. Vận dụng phát huy, tự tại thuận hợp.

Thế nào là gốc tĩnh dứt sạch mọi tướng sinh diệt?

Thế nào là dứt nhiễm cùng mê cả lý và sự?

Thắng nghĩa trí tuệ căn bản có khả năng dứt sạch mọi điên đảo tận cùng.

Thế nào là cõi tánh?

Năm uẩn sung mãn, thân tâm phong phú. Tươi lành trọn đủ, giáo hóa dóc sức. An tĩnh trong lặng tấn tu thuận hợp. Tịnh diệu khó lường, rõ nghĩa mười lực. Sắc tướng thanh tịnh trong lặng tươi lành. Thể sắc trong sáng, đầm thắm như ngọc. Phép tắc như vậy an lạc tột bậc. Đạt được hòa hợp, tịnh diệu tăng trưởng. Hành thí đầy đủ trong ngoài không bỏ. Điên đảo, ưu thọ thấy đều không bày. Tâm ấy (điên đảo) là gốc sinh ra hý luận. Như vậy tên gọi “hóa sinh” (là) không hợp. Trí tuệ thâm diệu chur Thiên ngưỡng mộ. Lành thay phước đức hiện hành tỏ rạng, là chón mong đạt lực dụng tĩnh trụ. Tự tại gánh vác viên mãn tận cùng. Tri kiến như vậy, nhân tu thí đạt. Năm loại sung mãn (là) sắc, thanh, hương, vị... Đất, nước, lửa, gió (là) cảnh của xúc trần. Trói buộc lực nặng (là) tham ái, khó lìa. Không tạo nhân thí (là) chỗ buộc (của) ngã mạn. Thường dẫn chế ngự, thanh tịnh phát sinh. Như thế gọi là đạt

được tịnh thí. Quả khổ đã dứt, thắng nghĩa đạt khắp. Tùy thuận đạt được cứu cánh Đại thừa. Cả việc mong đạt thọ mạng cùng tận. Thắng lợi thu được chính nhờ bố thí. Ngọn nguồn tịch tĩnh (là) dứt sạch ngã mạn. Hóa độ hữu tình, rõ nghĩa thù thắng. Tịch tĩnh không (có) chôn (là) gốc mọi nghiệp dữ. Cõi thí tịnh diệu, chứng đắc Thánh quả. “Hại” trong tiểu tùy (phiền não) kết cùng ngã mạn. Trọng phụ si độn, mạn nhiễm đầy tràn. Lực dụng tự tánh diệt sạch các mạn (áy). Điên đảo bám rễ từ (gốc) tranh, phiền não. Tự tánh hữu tình, an tĩnh chế ngự. Bệnh nạn trói buộc hủy hoại sắc lực. Nhân thắng phát khởi, chế ngự, lìa bỏ (bệnh nạn). Tu hạnh tịch tĩnh là gốc (của) tĩnh trụ. Bố thí thanh tịnh, dứt bỏ tham si, là chôn vương giả Thánh trí ngự khắp. Sửa trị, giúp khắp, tai họa chẳng sinh. Sự thật thấu đạt, tà nịnh tự diệt. Thuận theo giáo lệnh chẳng phải quấy phá. Thánh lực điều phục (bao) sợ hãi (ờ) thế gian. Lực dụng căn bản thù thắng hiện bày. Tu tập tăng thêm, giáo hóa muôn loài. Mong cầu xa lìa, dứt mọi sợ hãi.

Thế nào là căn bản hành giải gồm đủ?

Tự tín tăng trưởng, nghĩa lợi cùng đạt. Nhân thắng vận dụng, chân thật hiện rõ. Lực dụng tăng lên, gốc là Thập thiện. Thí ấy không mất, lành thay chỗ đạt! Bờ cõi đằm đàng, muôn loài an tĩnh. Lực tự tại ấy kết cùng chấp ngã. Chúng sinh dốc chí tán tu hạnh thí. Hỷ luận nhiễm ác hiện rõ, (phải nên) xa lìa. Lực dụng chế ngự, tu theo Thánh đạo. Nhân thắng trí tuệ tạo từ nhiều kiếp. Là chôn Bò-tát cõi ấy tu khắp. (Từ) vô thi kiếp xa từng biết Phật pháp. Thọ dụng thắng nghĩa (là) vật dùng căn bản. “Sát trần” tự tánh, thức gốc thâm chứa. Tu học như vậy, thiện trụ hiện bày. Tu hạnh tịch tĩnh, hình bóng chuyển đổi. Lìa mọi chấp ngã, hỷ luận (có từ) vô thi. Hành hạnh bố thí, thanh tịnh thuận hợp. Ba nghiệp sám hối (đạt) thiện tịnh an tĩnh. An trụ tĩnh lặng, dứt pháp lưu chuyển. Tuệ thông đạt khắp dẫn dắt hữu tình. Điều phục tăng thêm, tịch tĩnh cùng tận. Nhân thiện phát sinh, lực dụng tỏ rạng. Xa lìa cõi rễ điên đảo trói buộc. Cõi ý chân thật hành mười loại thiện. Tu hạnh tối thượng, nơi chôn thông tỏ. Giải thoát đúng nghĩa, gốc là thanh tịnh. Nhận ra phiền não, xưa nay (vốn) tịch tĩnh. Hữu tình hành theo mười thiện tịnh diệu. Mọi thứ che buộc (thầy đều) an tĩnh, trong lặng. Tâm của chư Thiên gốc vốn thanh tịnh. Sắc tướng tươi đẹp, đạo hạnh quyết tu. Chương nghiệp dứt sạch, hành giải tăng lên. Thế gian an lạc, cõi tánh không mất. Hình tướng, nơi chôn điều phục là gốc. Lực dụng chân thật, dứt nhân điên đảo. Chỉ dạy Thập thiện (là) thanh tịnh thù thắng. Hình tướng tự tại, phước đức vô tận. Hữu tình thêm tu, ý đạt trí tuệ. Nhân thắng tịnh diệu, điều phục nghĩa lợi. Đệ lục ý thức trong lặng hơn hết. Tự tánh chân thật, các loại mạn dứt. Tiến tu như vậy đức hạnh là chính. Không nhiễm bạo lực, dứt mọi phiền não. Tiến theo đường trước phước nghiệp an tĩnh. Gốc mọi giáo hóa (là) dứt niệm phiền não. Trong lành, thanh tịnh, phiền não chẳng sinh. Thực hiện thấu đạt nghĩa lợi hữu tình. Tạo nhân điên đảo, nhiễm ác trói buộc. Xa lìa bụi bặm, thanh tịnh chỉ dạy. Ý thiện chân thật hiện hành chẳng mất. Tu tập an tĩnh, ngu muội thông tỏ. Ngôn ngữ, giáo hành khế hợp chẳng hoại. Căn bản thiết tướng (là) thanh tịnh yên lành. Thắng nghĩa chân lý (là) mong đạt trong lặng.

Thế nào là thực hiện giáo hóa thiện diệu?

Thuận theo thanh tịnh, tu hạnh tối thượng. Điều phục nghĩa lợi, vô ngã tận cùng. Vương giả phép tắc nghiêm túc hiện bày. Chấp ngã rộng lớn vô cùng như vậy. Trí tuệ không đạt vốn do phiền não. Xuôi thuận (thì) tham sinh, nghịch ý (thì) sân đầy. Hai mươi sáu hoặc là nhân (của) chấp ngã. Dứt trừ gốc rễ, cảnh ngọn mất theo, là chôn giả khởi lợi thắng nghĩa. Vật dụng cõi bờ đây đó an tĩnh. Mười loại nẻo nghiệp buộc che chẳng có. Hoạn nạn thấu rõ, lầm lạc dứt hết. Hình tướng trời ấy tịch tĩnh kiến điên đảo. Hành, giải tùy

thuận, an tĩnh hiện bày. Tri kiến căn bản rõ mọi trói buộc. Mẫu mực viên mãn thuận hòa như thế. Điền đảo phát khởi, điều phục dứt bỏ. Thấu đạt các pháp thắng nghĩa là vậy. Hành, giải đầy đủ, bình đẳng phát sinh. Lực dụng sinh khởi đạt được “vô úy”. Tịnh diệu ung dung, thể hiện như thế. Danh (là) gốc bốn uẩn, chỗ nương của sắc. Thành tâm sám hối (đạt) thanh tịnh viên mãn. Ba thừa hóa độ, cùng đến bờ giác. Tội sám trọn đủ, tĩnh trụ tu trì. Cõi trời an lạc, thanh tịnh ắt đạt. Hướng cầu thuận hợp thanh tịnh chân thật.

Bồ-tát hành thí, Tôn giả Trang Nghiêm hộ quốc bản sinh nghĩa thứ hai mươi chín.

Nhân thí viên mãn, báo dứt đói khát. Hình tướng tươi đẹp, tự tánh tăng lên. Đó là tùy thuận thấu đạt các hạnh Bồ-tát. Năng lực hợp phần. Dưỡng nuôi hình tướng (là) căn bản phước đức. Tạo nghiệp tận cùng. Thấy đều như vậy. Lực dụng tăng trưởng. Tiến lui thích ứng, chân thật khéo bày. Không ngoài lợi ích, ba thiện căn bản. Chỗ dựa hơn hẳn. Nhân thắng bố thí, thân tướng trang nghiêm. Cõi ý hòa hợp thật sự như vậy. Hành, giải sâu xa, tịnh diệu khéo hợp. Nương tựa thân tướng uy nghiêm trùm khắp. Nơi chốn tịnh diệu tươi đẹp đều thua. Bốn uẩn sung mãn, sắc tướng trong sáng. Bình đẳng vô úy tiến thoái thông tỏ. Uẩn hợp nhân thắng, thức gốc tự chứng. Sắc tướng, thân thể thấy đều như vậy. Lực dụng tăng trưởng, gánh vác tận cùng, là chốn tâm tịnh bố thí làm gốc. Bậc Đại Bồ-tát yêu thích nơi ấy. Lực dụng thông tỏ, thấu đạt thanh tướng. Tâm tịnh thật ấy năng dứt tham dục. Thắng hạnh thanh tịnh, thắng lực tấn tu. Nơi chốn không đổi, chuyển biến vô ngại.

Thế nào là thiên định tịch tĩnh điều phục?

Diệu dụng Phật đạo bao la như thế. Tịch tĩnh tăng lên, thông tỏ mọi lẽ. Viên mãn tận cùng, lia xa phiền não. Chúng sinh cùng tận không ngoài sáu đường. Trí tuệ thành tựu nhờ vào tịch mặc. Nhân thiện chuyển biến hiện bày như thế. Lìa mọi dứt nhiễm, giải thoát hòa hợp.

Thế nào là thanh tướng thấu đạt nghĩa lợi?

Thánh lực vô lượng, trí tuệ suy cầu. Ma-ha Tát-đỏa là đại hữu tình. Hành, giải bình đẳng, thương dẫn hóa độ. Dứt trừ nhiễm độn, hòa hợp tịch tĩnh. Chỉ dạy chân thật, si mau diệt sạch. Chế ngự độc khổ, thắng nghĩa thuận hợp. Thanh tướng thiện diệu phát sinh thương xót. Cõi ý lắng dục, (là) bậc đại hữu tình. Phát nguyện gánh vác tận cùng tất cả. Ngọn nguồn thâm diệu, nhân thắng chẳng mất. Cội rễ hữu tình ngu si điên đảo. Làng xóm, nơi chốn cõi xa khó tới. Bấy chúng hữu tình cần cậy Thập thiện. Sinh sôi hủy diệt rõ nghĩa muôn loài. Hành thí thấu đạt viên mãn cùng tận. Gánh vác đầy đủ rõ nghĩa rộng lớn. Điều phục hữu tình, nghĩa lợi thù thắng. Thực hiện tốt đẹp, bụi bặm không nhiễm. Lực dụng nhân thắng vô ngại như (hư) không. Nhân hành xưa nay thanh tịnh, giải thoát. Phạm hạnh trùm khắp, đói khổ dứt trừ. Nhận thức, chế ngự tinh nghiêm, thiết thực. Hành, giải đủ lực, tịnh thí mong đạt. Cõi ý chân thật, chứa nhóm thuận hợp. Tạo nhân rộng khắp, thấu đạt viên mãn. Giáo hóa chúng sinh lìa bỏ chướng nhiễm, độc hại xua sạch, thắng nghĩa viên mãn. Thấu đạt tịch tĩnh, lìa bỏ nhân buộc. Giáo hóa thanh tịnh, thâm diệu hợp nhất. Là chốn Bồ-tát hiện rõ, các chúng thanh tịnh hướng đạt. Hành, giải đầy đủ, tự tại dứt mạn. Như vậy là dứt (mọi) trói buộc biến khắp. Thù thắng tăng thêm, căn bản hướng đạt. Chỉ dạy thanh tịnh, dứt trừ hý luận. Tu tập thương dẫn, thắng nghĩa vận dụng.

Thế nào là đạt được? Thế nào là hướng cầu?

Bố thí tùy thuận, thanh tịnh hiện bày. Tịch tĩnh viên mãn, ngã pháp đều dứt. Ưu khổ phiền não thiện tịnh đều lìa.

Thế nào là pháp tịnh tổn giảm không nhân?

Là chốn trọng phu, hướng đến chân thật. Thuận theo danh tướng chế ngự hý luận. Bồ

thí hành khắp, dứt nhân tham dục.

Thế nào là hóa sinh biến chuyển hơn hết?

Tươi đẹp, tịnh diệu, nhân của thí giới. Đạt được, tăng lên, tự tin vô cùng. Thắng nghĩa tịch tĩnh (là) an tĩnh hiện bày. Dứt tất cả mọi nghiệp dữ, độc hại. Tự tánh bản lai thanh tịnh, thâm diệu. Cõi học tận cùng (là) tịch tĩnh, chế ngự. Căn bản tự tánh (là) nhân thiện hiện rõ. Lực dụng chân lý (là) phát huy tri kiến. Hý luận, ngã buộc, (là) hình tướng phàm phu. Điên đảo mong cầu bản lai tự tánh. Trói buộc, chấp ngã (là) nhân của phiền não, là chôn ngôn ngữ hữu tình phát khởi. Là xứ vì sao muôn loài lìa bỏ? Số ấy đến ngàn, sợ hãi không dứt. Trí tuệ chỉ rõ, thanh tịnh phát sinh. Nhân của trói buộc, khổ não, không mất. Bồ thí khắp chôn bình đẳng như (hư) không. Tấn tu như vậy đạt được thù thắng. Chế ngự không ngừng phiền não, hý luận. Theo trí căn bản phát khởi vô biên. Muôn loài mến mộ, nương cậy như thế. Hình bóng trùm khắp là (bậc) đại hữu tình. Thương mến muôn loài sâu khổ không dứt. Bình đẳng thuận theo, điều phục chúng sinh. Loạn động không dấy, dạy bảo như vậy. Ngôn ngữ tịch tĩnh lìa bỏ si, mạn. Phép tắc bày rõ, vật dụng đáng quý. Lành thay, vô úy! Chẳng bỏ chúng sinh. Thù thắng điều phục, giáo hóa khéo hợp. Dòng thác pháp nhiệm nung đốt tận cùng. Nhân nhiệm hủy hoại lực dụng an tĩnh. Ngã mạn dấy tăng, thắng nghĩa dừng dứt. Tu hạnh hòa hợp, an trụ, vô ngại. Tu tập hướng đạt nhân thắng tự tại. Nơi chôn thiện diệu không nên lìa bỏ. Bồ thí tận cùng dứt chôn hý luận, là nơi chân thật dốc tu thuận hợp. Tướng Đại tượng phu thương dẫn muôn loài. Sáng tỏ, an trụ, suy nghĩ, dẫn dắt, cực nạn cứu giúp. Xứ sở như vậy tai nạn tăng thêm. Tăng trưởng viên mãn, lực dụng vô ngại. Ái lạc đời đời không mong an trụ. Không tu tịnh hạnh, cầu nhiệm chiếm chỗ.

Thế nào là bệnh hoạn, nghiệp dữ đích thực?

Lực dụng tịch tĩnh, thâm diệu dứt trừ.

Thế nào là điên đảo, si độn nhân dầy?

Trói buộc thêm vòng, ngăn che nào giảm. Góc của phiền não không do nghiêng ngửa. Các mạn, si mê dấy tăng khó diệt. Trói buộc khó dứt, phải dựa Thánh lực. Hình tướng nhiệm buộc che lấp không dừng. Tĩnh trụ nên gắng, dẫn dắt, dốc tu. Hành động xấu ác, lực dụng khó chuyển. Chương nặng, việc sâu thật khó sám hối. Khổ sở như vậy, nghiệp xấu trọn nên. Tĩnh lặng thuận hợp, an trụ tu trì. Trừ diệt đối khổ thắng nghĩa viên mãn. Dẫn dắt, gánh vác muôn loài nhiều kiếp. Diệu dụng Phật đạo vô biên như vậy. Chúng tử, hiện hành pháp sinh đúng nơi. Giáo pháp thanh tịnh hướng cầu ắt đạt. Thắng nghĩa viên mãn, tĩnh trụ ung dung. Lực dụng tịch tĩnh (là) căn bản điều phục. Cuốn theo dòng thác thực sự (là) luân lưu. Chi phần bệnh nạn nhận rõ (là) không thật. Bồ thí chúng sinh đạt được an tĩnh. Ý định thông tỏ chi phần hình thể. Chôn dứt điên đảo, nghĩa lợi đáng quý. An trụ pháp thiện. Tự tại hòa hợp. Chấp ngã thêm sâu, khổ não chồng chất. Tạo nghiệp thanh tịnh năng diệt tham dục. Thấu đạt đúng phần, chân lý xuất hiện. Dứt nhân sợ hãi, nhớ nghĩ nên gắng. Đủ sức gánh vác (đạt) thanh tịnh căn bản. Phiền não chúng sinh tu pháp nào lìa? Tự tánh tu tập phước đức rất lớn. Tận cùng như vậy góc ở thắng nghĩa. Thương yêu chúng sinh lấy đó làm mẫu. Thắng nghĩa không mất, chỗ nương (của) chúng sinh. Cõi ý chân thật (là) gốc mọi hình tướng. Bình đẳng điều phục khắp mọi nơi chôn. Xứ sở (đang bị) tàn phá (bình đẳng) không thể hiện bày. Nơi ở chẳng an, tâm bị vương mắc. Định tuệ phát sinh, chỗ nương (của) tự tại. Hình bóng biến chuyển, pháp tánh thường trụ. Phàm Thánh bình đẳng, thế gian nương dấy. Dốc tu tận cùng đạt được “vô pháp”. Công đức vô biên hằng hà sa số. Buông theo ái dục không đạt nẻo thiện. Lành thay, nơi chôn,

hình tướng nhiều loại. Tu tập thiện diệu, vô niệm (là) ở đây. Gánh vác luôn nhớ, cứu khổ không dừng. Linh động, thích ứng, mong đạt điều ấy, là chón thương dẫn phát khởi rộng khắp. Tâm hứng chân thật, tự tại, tịch tĩnh. Phạm hạnh phát huy, năng dứt phiền não. Tạo nghiệp tận cùng, gốc Sát-đế-lợi. Dốc tu như vậy, lực dụng bất thoái. Công năng Thập thiện muôn loài quý trọng. Bày biện, cấp đủ, vi diệu khó đạt. Dứt mọi trói buộc cấu nhiễm hý luận. Gốc là pháp tánh chân thật đáng quý. Như sen (mọc) từ bùn, (hoa) tươi thơm vi diệu. Trong lành tĩnh lặng chút bụi không vương. Bồ thí mong đạt tươi đẹp như thế. Dứt hết (các) pháp buộc điên đảo, nghiệp dữ. Chương nhiễm, chấp ngã, tác dụng (của chúng) khó ngăn. Nhân thắng thiện tịnh (là) diệu dụng chân thật. Thân tâm tĩnh lặng, phiền não liền dứt. Vọng nhiễm, ngã mạn, (chỉ làm) mê muội sâu dày. Tuệ nhiễm biến khắp trói buộc chân thật. Nhân nhiễm không dứt, hình tướng điên đảo. Hý luận đầy tràn trói buộc tự tại. Chỉ dạy tận cùng (là) dứt bỏ tạo nghiệp. Nghiệp tạo xa gần, quả báo tuần tự. Phật đạo hưng lên, nghiệp ác đều dứt. Hành, giải đủ đầy, chúng sinh bình đẳng. Thanh tịnh thù thắng khắp mọi nơi chón.

Căn bản Phật đạo (là) diệt trừ chương nhiễm (cùng) phát khởi nhân tịnh, thông tỏ chân thật. Tấn tu diệt mọi phiền não, hý luận. Giải thoát chương nhiễm tự tín tăng thêm. Điên đảo tăng đầy, hý luận sinh theo. Thắng nghĩa chân lý phát sinh, truyền dạy.

Thế nào là tịnh thí vật dụng sung mãn?

Căn bản thắng nghĩa (là) hoan lạc, tự tại. Phạm hạnh thanh tịnh, ngã mạn chẳng sinh. Năng lìa chương nhiễm tu đạt giải thoát. Phước báo chúng sinh. Gốc là tịnh thí. Nhân thắng chư Thiên thông tỏ tịnh diệu. Chân thật, thâm diệu, thường tịnh tận cùng. Các pháp thế gian thấy đều sinh diệt. Tự tánh thanh tịnh trong tĩnh như vậy. Chấp ngã sâu dày, sở chấp vô biên. Lừa phiền, hý luận, chương nhiễm khó trị. Thân thể chịu khổ, toan tính không dừng. Giữ chặt tạp nhiễm, chẳng biết ân thầy. Thù thắng sinh khởi, thuận hợp đích thực. Như mây phủ khắp nhiệt nã chẳng sinh. Chế ngự lìa bỏ, tấn tu như vậy. Thắng thừa chân thật, vút bỏ nhiễm vọng. Lực dụng thù thắng (là) chỉ phân nghĩa lợi. Dứt trừ cấu nhiễm, thắng hạnh tấn tu. Thiện diệu không dục, thanh tịnh hiện bày. Cõi ý chế ngự, phát sinh bồ thí. Điên đảo diệt hết, hòa hợp hiện bày. Tự tánh khế hợp thông tỏ thắng nghĩa. Cõi trời tạm dứt mọi cấu nhiễm buộc che. Tự tánh “vô úy”, tịch tĩnh tận cùng. Lìa xa phiền não, thấu đạt đúng thực. Lực dụng tăng trưởng, giáo hóa đúng phần. Bồ thí bao đời lớp lớp nhiễm, tịnh. Tu hạnh không tinh, quả thọ lẫn lộn. Tu trì tịch tĩnh, quả báo cõi thiện. Lực dụng tự tại chân thật viên mãn. Tu thiện thuận hợp, ích lợi thích ứng. Vô tư tĩnh lặng Như như, chẳng hoại. Mong cầu điên đảo, gốc của nghiệp dữ. Buộc che đáng sợ, chìm đắm khó rời. Xan tham đầy đủ, thân oán không ngừng. Hình tướng giải thoát như sen rũ cánh... Lực dụng tăng trưởng (đạt) thanh tịnh thù thắng. Hành uẩn phát triển, rõ nghĩa chuyển biến. Hương giới thiện diệu thơm lừng đáng mến. Nơi chón tu sùng nghiêm đẹp thêm mãi. Chỉ dạy tu tập, mong đạt thanh tịnh. Tu hạnh bỉ ngã, điên đảo trói buộc, (và) hòa hợp, tự tại, tịch tĩnh đều mất. Tâm tịnh vững tu, cơm áo sung mãn. Lực dụng chế ngự, nhân thiện hiện bày. Pháp thiện thanh tịnh (là) cõi rể tự tánh. Nuôi dưỡng đúng phần, phước báo thù thắng. Hành, giải gồm đủ (đạt) thắng nghĩa “vô úy”. Cõi nước tịch tĩnh, khắp nơi lặng dừng. Tự tánh bồ thí, xan tham đều lìa. Tự tín tịnh diệu đạt được như vậy. Trong mười hành thiện, bồ thí là gốc. Thứ lớp phát sinh cùng đến bờ giác, là cõi trượng phu mong dứt hý luận... Sợ hãi hạnh ác, chân thật phát khởi. Ý nghĩa đúng phần hợp nhất một mối. Hành động như vậy (đạt) hình tướng tịch tĩnh. Chấp ngã rộng khắp gốc là phiền não. Thân thể chẳng bền, tự tánh (mới là) cứu cánh. Đạt được quả giác tận cùng, vô

thượng. Pháp tánh tĩnh lặng, vượt mọi tìm cầu. Dẫn dắt gánh vác thích hợp muôn loài. Chỉ dạy thượng diệu, chân thật, thù thắng. Cõi ấy tận cùng, thanh tịnh tự tại. Sắc tướng tươi lành, “vô úy” viên mãn. An lành thượng diệu, xa lìa tạo nghiệp. Lực dụng hướng đạt pháp tánh (như) hư không. Lìa mọi sợ hãi, theo mười nẻo nghiệp (thiện).

Thế nào là xứ tự tại tự tín?

Cội rễ phước nghiệp. Chân thật thuận hợp. Lời Phật rộng dạy. Như pháp tĩnh trụ. Dứt bỏ phiền tạp. Hý luận cấu nhiễm dựa sắc làm gốc. Các pháp tịch tĩnh, nghĩa (là) dứt phiền não. Dạy dỗ thuận hợp, thiện tịnh là nhân. Không hành xấu ác, diệt nhiễm, điên đảo. Thanh tịnh bố thí, cứu giúp như vậy. Giáo hóa bình đẳng, hợp nhất, lìa tướng. Tạo tác mong đạt chân thật hiện rõ. Phép tắc điều phục, lực dụng tự tại. Cõi trời cao xa hợp phần như thế. Hình tướng thanh tịnh, trong sáng như trăng. Dứt bỏ điên đảo, trọn nên thắng nghĩa. Hiện bày, biến chuyển như (hư) không chẳng hoại. Điều phục tuệ nhiễm tận cùng như vậy. Gốc cõi trời ấy tịnh diệu biến khắp. Thiện tịnh thâm diệu, dứt các tướng mạn. Chân thật không mất, thấu đạt tăng thêm. Thường hành hạnh thí, thuận hợp tận cùng. (Ví như) độc được, tranh tạp (cũng) trở thành thanh tịnh. Vọng nhiễm tận cùng (là) nơi chốn sợ hãi. Như liềm mặt (ờ) đao. Hý luận dấy tăng, cội rễ chuyển biến. Diệu thiện trừ diệt, cõi nước an trụ. Hành, giải gồm đủ, hình tướng hợp nhất. Sắc tướng tĩnh lặng, thanh tịnh tăng lên. Thắng nghĩa thuận hợp lìa bỏ đúng phần. Thông tỏ hình tướng nghiệp dữ nhiều đời. Đói kém bức bách, cơm áo thiếu hụt. Nhân thiện tịnh diệu (của) hữu tình tăng thêm. Tịch tĩnh hiện bày, thi hành yên lặng. Lực dụng thiện diệu thù thắng biến khắp. Bệnh hoạn hiện rõ, dứt rồi lại thêm. Diên đảo sợ hãi, ưu khổ chông chất. Hoạn nạn bất kỳ, khởi dứt liên tục. Dòng thác phiền não dấy, diệt, lại sinh. Lực dụng bố thí dốc lòng không tiếc.

Thế nào là răn dạy bố buộc tu học?

Lực dụng gánh vác dứt trừ sợ hãi. Cội rễ vọng nhiễm phiền não lại tăng. Ham đắm sắc tướng, tham lam không dứt. Đức hạnh dốc tu, nhân thắng đáng quý. Tự tánh chẳng mất, lìa bỏ ba độc. Phát sinh bố thí, đến trọn bờ giác. Dạy dỗ thanh tịnh, lành thay nghĩa lợi. Buộc che (như) dòng nước, hình tướng thấy không. Chấp ngã dấy lên làm gốc phiền não. Tu thí thiện diệu, dứt tạo nghiệp ấy. Tạo nhân thanh tịnh, lực dụng sung mãn. Thắng nghĩa căn bản phát sinh tịch tĩnh. Đói khổ thực sự (do) không tu hạnh thí. Giữ giới thêm vững, tôn quý bội phần. Hành từ tạo được phước báo thù thắng. Chúng sinh dốc tu, cúng dường đúng phần. Hạnh mật tiến tu, tạo tác chân thật. Là cõi lực dụng tịnh diệu tận cùng. Dòng thác như vậy (là) dứt trừ thuận nẻo. Thấu đạt diệt sạch hý luận trôi buộc. Ngã mạn, khinh khi, ngạo, buông dật dầy khắp. Hý luận, nghiệp dữ, điều phục, dứt bỏ. Tịch tĩnh phát sinh, cõi ý sung mãn. Sửa trị, thực hành các tướng đều mất. Lực dụng chân thật diệt trừ phiền não. Thân tâm chúng sinh phước đức riêng báo. Tĩnh lặng lìa xa ngã pháp vọng nhiễm. Diệt dứt tham dục, nhiễm vọng cùng tiêu. Thân tâm thanh tịnh, lực dụng cùng tận. Chấp ngã, si mạn nhờ đây dứt trừ. Tùy thuận ái lạc, cứu cánh bình đẳng. Xóm làng sung túc, thanh tịnh thù thắng. Tự tánh tăng lên, hóa độ khắp chốn. Nhân tịch tĩnh bày, dứt tướng lưu chuyển. Nghĩa lợi không vương (là) nơi sinh thù thắng. Thân tướng tham dục, phải nên sửa bỏ. Dòng thác dấy tràn, sức cuốn trùm khắp. Dẫn dắt, giáo hóa sám hối tội cũ. Dạy bảo như vậy, hóa độ dễ đạt. Tu hạnh bố thí nên dốc cúng dường. Hành, giải gồm đủ (về lẽ) thâm diệu chân thật. Dòng thác biến động đáng sợ như thế, là chốn chúng sinh mong đạt cùng tận. Cấu nhiễm, chân thật, hý luận khắp chốn. Gấp tu hạnh thí xua trừ kinh sợ. Tu tập chân thật, ái lạc thuận theo. Diên đảo, cấu nhiễm, sợ hãi thấy dứt. Chúng sinh dời chuyển không ngoài sáu nẻo. Trôi buộc, trôi nổi, hình tướng hiện rõ. Tu nhân Thập

thiện, thọ báo trời, người. Cõi ấy đúng phần, hiện bày hóa độ. Nhân tướng (ở cõi) trời ấy, thắng nghĩa không mất. Tự tánh phiền não, ưu khổ phát sinh. Góc buộc chấp ngã, trói che chông chất. Thông tỏ như vậy, thanh tịnh điều phục. Lực dụng Như Lai viên mãn tốt bậc. Tu tập hiền thiện, thấu đạt công đức. Bồ thí tận cùng thắng nghĩa viên mãn. Tự tánh thông tỏ, hiền thiện như vậy. Phép tắc hướng đạt thù thắng vô cùng. Thiện tịnh chế ngự điên đảo, kinh sợ. Tu thí hưng phát, tịch tĩnh, sung túc. Như Lai là nghĩa thâm diệu tối thượng. Thuận hợp viên mãn, lìa mọi hình bóng. Dòng thác chuyển biến, đúng lời Phật dạy. Phân biệt, nhận rõ, hóa độ bình đẳng. Tấn tu tăng thêm, tạo nghiệp “vô úy”. Si độn, điên đảo, dốt tu trừ sạch. Xứ thanh tịnh ấy tu hạnh chân thật. Tấn tu Thập thiện, nghĩa lợi tự tại. Thần túc tịnh diệu dồi dào như thế. Hương tuệ thanh tịnh đạt được thường hữu.

Bồ-tát hành thí, Tôn giả Trang Nghiêm hộ quốc bản sinh nghĩa thứ ba mươi.

